



Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 2500552524

ngày 25 tháng 9 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2500552524 ngày 6 tháng 4 năm 2026. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lương Văn Mỹ	Chủ tịch
Ông Đinh Quốc Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Đại	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Vinh	Thành viên (từ 20/4/2026)
Ông Segura Tomas Alejandro	Thành viên (từ 20/4/2026)

Ban Kiểm soát

Ông Dương Phú Đạt	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Quốc Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Đại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Anh	Giám đốc nhà máy
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Giám đốc dự án

Trụ sở đăng ký

Lô 1, KCN Thái Hòa – Liễn Sơn – Liên Hòa
Xã Liên Hòa, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Đinh Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Phú Thọ, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ ("Công ty") và các công ty con, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành 28 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 52.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được soát xét.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00251-26-2



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0557-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0296-2023-007-1

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01 –DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		3.368.199.866.899	3.692.740.891.025
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10	136.045.565.643	292.577.257.952
Tiền	111		97.502.121.520	47.369.624.069
Các khoản tương đương tiền	112		38.543.444.123	245.207.633.883
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		896.464.804.457	1.018.820.467.900
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	11	896.464.804.457	1.018.820.467.900
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		992.415.868.225	1.162.828.501.844
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	920.699.357.343	1.104.478.363.530
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	13	52.457.910.826	51.893.407.798
Phải thu ngắn hạn khác	135	14	65.230.682.071	45.392.606.255
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	15	(46.053.738.819)	(38.951.811.573)
Tài sản thiếu chờ xử lý	137		81.656.804	15.935.834
Hàng tồn kho	140	16	1.180.499.779.352	1.032.415.361.212
Hàng tồn kho	141		1.203.788.356.934	1.052.777.580.330
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(23.288.577.582)	(20.362.219.118)
Tài sản ngắn hạn khác	160		162.773.849.222	186.099.302.117
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	20(a)	43.865.464.430	32.121.758.478
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		101.446.613.036	138.790.771.310
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	24	17.461.771.756	15.186.772.329

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 270)	200		2.047.188.821.782	2.057.641.817.546
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	517.544.400
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	517.544.400
Tài sản cố định	220		1.588.483.239.773	1.614.421.123.230
Tài sản cố định hữu hình	221	17	1.487.435.212.485	1.511.870.000.725
Nguyên giá	222		3.074.915.009.077	2.962.685.320.207
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.587.479.796.592)	(1.450.815.319.482)
Tài sản cố định vô hình	227	18	101.048.027.288	102.551.122.505
Nguyên giá	228		120.947.651.125	120.357.651.125
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.899.623.837)	(17.806.528.620)
Tài sản dở dang dài hạn	250		403.144.094.629	399.293.861.373
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	19	403.144.094.629	399.293.861.373
Đầu tư tài chính dài hạn	260		15.130.915.068	10.026.258.630
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	11	15.130.915.068	10.026.258.630
Tài sản dài hạn khác	270		40.430.572.312	33.383.029.913
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	20(b)	25.609.375.706	26.705.416.358
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	21	14.821.196.606	6.677.613.555
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		5.415.388.688.681	5.750.382.708.571

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.363.716.063.620	3.977.951.066.163
Nợ ngắn hạn	310		3.265.876.571.825	3.826.287.183.413
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	558.102.155.888	1.099.539.913.027
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	41.649.645.190	49.129.403.090
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước ngắn hạn	314	24	84.812.119.573	220.434.337.563
Phải trả người lao động	315		25.833.626.297	78.651.372.646
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	25	60.759.696.440	39.339.413.969
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		8.333.332	25.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	320	26	10.568.675.916	12.603.716.672
Vay ngắn hạn	321	27(a)	2.484.142.319.189	2.326.564.026.446
Nợ dài hạn	330		97.839.491.795	151.663.882.750
Phải trả người bán dài hạn	331		-	4.118.048.632
Vay dài hạn	339	27(b)	97.839.491.795	147.545.834.118
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	28	2.051.672.625.061	1.772.431.642.408
Vốn cổ phần	411	29	1.444.568.110.000	1.070.050.530.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.444.568.110.000	1.070.050.530.000
Thặng dư vốn	412		(1.540.890.600)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		391.850.798.343	470.603.214.339
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	420a		96.028.142.891	46.599.169.588
- LNST kỳ này/năm nay	420b		295.822.655.452	424.004.044.751
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		216.794.607.318	231.777.898.069
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.415.388.688.681	5.750.382.708.571

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập



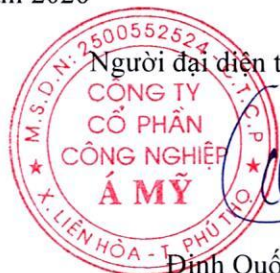
Trần Quang Sự
Người lập

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Nga
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND Chưa soát xét
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	3.521.821.674.275	3.037.092.561.626
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	168.930.440.571	149.202.694.581
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		3.352.891.233.704	2.887.889.867.045
Giá vốn hàng bán	11	33	2.729.467.839.336	2.273.116.384.323
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		623.423.394.368	614.773.482.722
Doanh thu hoạt động tài chính	22	34	62.974.053.964	55.237.888.722
Chi phí tài chính	23	35	84.785.276.160	65.991.855.510
Trong đó: Chi phí đi vay	24		72.013.746.609	46.416.939.900
Chi phí bán hàng	25	36	154.814.974.169	105.894.882.581
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	78.447.114.149	56.274.115.763
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - 23 - (25 + 26)}	30		368.350.083.854	441.850.517.590
Thu nhập khác	31	38	6.743.312.901	489.374.889
Chi phí khác	32	39	518.652.050	5.170.489.559
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		6.224.660.851	(4.681.114.670)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		374.574.744.705	437.169.402.920
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	41	82.336.454.503	102.548.690.614
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	41	(8.143.583.051)	(10.572.394.960)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		300.381.873.253	345.193.107.266

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND Chưa soát xét
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		295.822.655.452	328.206.417.446
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.559.217.801	16.986.689.820
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	42	2.048	2.289

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập



Trần Quang Sự
 Người lập

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Nga
 Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Quốc Tuấn
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
				Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		374.574.744.705	437.169.402.920
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		140.061.258.579	116.452.519.510
Các khoản dự phòng	03		10.344.319.902	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.546.156.465)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(42.844.706.362)	(16.890.772.800)
Chi phí đi vay	06		72.013.746.609	46.416.939.900
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		548.603.206.968	583.148.089.530
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		199.901.534.196	188.226.695.171
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(151.326.810.796)	27.703.664.095
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(446.373.055.785)	(380.576.092.590)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(10.783.020.728)	8.368.949.172
			140.021.853.855	426.871.305.378
Chi phí đi vay đã trả	14		(71.749.759.904)	(47.912.630.615)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(209.021.842.270)	(202.055.879.203)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(140.749.748.319)	176.902.795.560
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(261.899.202.363)	(152.007.341.433)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		415.711.279	620.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.013.658.092.745)	(430.646.747.518)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.130.113.828.564	488.694.267.765
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	27		38.175.826.972	30.432.072.750
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(106.851.928.293)	(62.907.748.436)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026**
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**Mẫu B 03 – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
				Chưa soát xét
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền chi để phát hành cổ phiếu	31		(1.540.890.600)	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.729.997.585.753	2.548.426.426.322
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.617.683.848.531)	(2.219.982.238.697)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.600.000.000)	(525.150.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		91.172.846.622	(196.705.812.375)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(156.428.829.990)	(82.710.765.251)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	10	292.577.257.952	632.493.092.077
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(102.862.319)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	10	136.045.565.643	549.782.326.826

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Trần Quang Sự
Người lập

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Nga
Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Quốc Tuấn
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng, sản phẩm ngành nhựa và hóa chất;
- Sản xuất các sản phẩm gốm sứ, gốm sứ gia đình;
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
- Mua bán các sản phẩm gốm sứ, vật liệu xây dựng, gốm sứ gia dụng. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; và
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước và các thiết bị khác trong công trình xây dựng;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: thiết kế công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, thiết kế công trình công nghiệp; công trình điện; thiết kế san lấp mặt bằng công trình, thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng; mua bán gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh; và
- Các hoạt động khác theo đăng ký kinh doanh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 3 công ty con (1/1/2026: 3 công ty con) như sau:

Tên công ty con	Hoạt động chính	30/6/2026		1/1/2026	
		Lợi ích	Quyền biểu quyết	Lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn	Sản xuất vật liệu xây dựng	99,83%	99,83%	99,83%	99,83%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại ACT	Kinh doanh gạch ốp lát, vật liệu xây dựng	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty và các công ty con có 2.129 nhân viên (1/1/2026: 2.208 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 và Thông tư 43 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(b));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(d)(i));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(e));

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách được mô tả tại Thuyết minh 3.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại đơn vị nhận đầu tư.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình mua bán thực tế của ngân hàng phát sinh giao dịch tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ (i) (một phần của) các khoản phải thu đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, (ii) các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty và các công ty con được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty và các công ty con trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	1 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
▪ Tài sản khác	10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế phát sinh để có được quyền sử dụng đất bao gồm chi phí đền bù, giải phóng, san lấp mặt bằng và các chi phí liên quan trực tiếp khác. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 48 - 49 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 – 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 15 năm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định pháp luật hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu. Các chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu được ghi nhận tại thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp hoặc hoàn thành, phụ thuộc vào bản chất của loại hình dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan đề cập tới các nhà đầu tư có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đến Công ty và các công ty khác do nhà đầu tư này trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết đủ để thực hiện quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể đối với các doanh nghiệp đó.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

7. Các khoản mục bất thường

Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

9. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các vật liệu xây dựng. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty và các công ty con được lập theo khu vực địa lý.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận khu vực địa lý được căn cứ vào địa lý của khách hàng. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận bao gồm Việt Nam, Hoa Kỳ và các nước khác.

Việt Nam VND	Hoa Kỳ VND	Các nước khác VND	Hợp nhất VND
-----------------	---------------	----------------------	-----------------

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026
Tài sản của bộ phận

4.598.316.074.445	684.526.618.095	132.545.996.141	5.415.388.688.681
-------------------	-----------------	-----------------	-------------------

Việt Nam VND	Hoa Kỳ VND	Các nước khác VND	Hợp nhất VND
-----------------	---------------	----------------------	-----------------

Cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026
Doanh thu bán ra bên ngoài
Chi tiêu vốn

816.935.028.139	2.041.324.482.573	494.631.722.992	3.352.891.233.704
261.899.202.363	-	-	261.899.202.363

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026
Tài sản của bộ phận

Việt Nam VND	Hoa Kỳ VND	Các nước khác VND	Hợp nhất VND
4.743.787.737.130	912.663.821.271	93.931.150.170	5.750.382.708.571
Việt Nam VND	Hoa Kỳ VND	Các nước khác VND	Hợp nhất VND
Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét	Chưa soát xét
803.335.267.924	1.638.274.927.135	446.279.671.986	2.887.889.867.045
152.007.341.433	-	-	152.007.341.433

Cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025
Doanh thu bán ra bên ngoài
Chi tiêu vốn

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

10. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Tiền mặt	631.015.866	248.852.737
Tiền gửi ngân hàng	96.871.105.654	47.120.771.332
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc</i>	<i>25.474.242.174</i>	<i>19.980.615.997</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên</i>	<i>21.475.898.919</i>	<i>8.974.714.327</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc</i>	<i>21.272.813.920</i>	<i>6.627.953.968</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc</i>	<i>14.609.557.392</i>	<i>6.353.748.031</i>
<i>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vĩnh Phúc</i>	<i>1.717.788.644</i>	<i>4.540.797.038</i>
<i>Các ngân hàng còn lại</i>	<i>12.320.804.605</i>	<i>642.941.971</i>
Các khoản tương đương tiền (*)	38.543.444.123	245.207.633.883
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc</i>	<i>36.634.718.096</i>	<i>96.949.640.732</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên</i>	<i>1.400.000.000</i>	<i>101.337.520.548</i>
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc</i>	<i>-</i>	<i>46.420.472.603</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vĩnh Phúc</i>	<i>508.726.027</i>	<i>500.000.000</i>
	136.045.565.643	292.577.257.952

(*) Là các khoản tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng mức lãi suất dao động từ 2,1% đến 6,8% (1/1/2026: 3,5% đến 4,75%) một năm.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

11. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

- Tiền gửi có kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Vĩnh Phúc
Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh
Vượng SMBC
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Vĩnh Phúc
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam- Chi nhánh Vĩnh
Phúc
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam –
Chi nhánh Vĩnh Phúc
- Các ngân hàng còn lại
- Trái phiếu
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
- Các trái phiếu còn lại
- Phải thu về cho vay
Ông Nguyễn Minh Tú
- Ông Nguyễn Văn Hưng
- Cán bộ nhân viên

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND
	798.446.548.021	798.446.548.021	278.083.152.145	278.083.152.145
	197.251.338.509	197.251.338.509	37.650.316.256	37.650.316.256
	159.663.813.151	159.663.813.151	158.067.754.246	158.067.754.246
	144.550.958.502	144.550.958.502	60.551.452.055	60.551.452.055
	126.589.616.440	126.589.616.440	-	-
	100.361.780.323	100.361.780.323	17.118.487.671	17.118.487.671
	70.029.041.096	70.029.041.096	4.695.141.917	4.695.141.917
	88.467.361.914	88.467.361.914	735.131.872.738	735.131.872.738
	86.815.187.393	86.815.187.393	179.263.933.427	179.263.933.427
	-	-	538.332.792.997	538.332.792.997
	1.652.174.521	1.652.174.521	17.535.146.314	17.535.146.314
	9.550.894.522	9.550.894.522	5.605.443.017	5.605.443.017
	3.951.132.879	3.951.132.879	3.835.420.301	3.835.420.301
	3.056.958.904	3.056.958.904	-	-
	2.542.802.739	2.542.802.739	1.770.022.716	1.770.022.716
	896.464.804.457	896.464.804.457	1.018.820.467.900	1.018.820.467.900

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị phân bổ VND	Giá trị có thể thu hồi VND
			Đã phân loại lại	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu	12.000.000.000	12.000.000.000	10.026.258.630	10.026.258.630
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	12.000.000.000	12.000.000.000	10.026.258.630	10.026.258.630
▪ Phải thu về cho vay	3.130.915.068	3.130.915.068	-	-
Ông Trương Văn Thành	3.130.915.068	3.130.915.068	-	-
	15.130.915.068	15.130.915.068	10.026.258.630	10.026.258.630

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tiền gửi có kỳ hạn có giá trị ghi sổ 382.812 triệu VND (1/1/2026: 253.413 triệu VND) và trái phiếu có giá trị ghi sổ 95.583 triệu VND (1/1/2026: 157.118 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu nhựa	41.785.049.714	1.960.354.827
Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh	1.723.218.000	12.368.333.697
Công ty Cổ phần Đầu tư Amane	25.336.214	50.196.627
<i>Các bên thứ ba</i>		
Novalis International Limited	388.437.701.520	660.215.337.197
United Weavers of America	148.542.391.364	47.979.296.712
Các khách hàng khác	340.185.660.531	381.904.844.470
	920.699.357.343	1.104.478.363.530

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 phải thu ngắn hạn của khách hàng có giá trị ghi sổ là 834.453 triệu VND (1/1/2026: 1.076.481 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay, bảo lãnh và tài trợ thương mại của Công ty và các công ty con.

13. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công ty TNHH VNS An Tâm	5.962.402.152	1.811.160.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí An Dương	5.906.041.803	1.113.497.658
Công ty TNHH Kết cấu Thép cơ khí Xây dựng Hưng Yên	-	15.567.312.900
Nhà cung cấp khác	40.589.466.871	33.401.437.240
	52.457.910.826	51.893.407.798

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

14. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Phải thu tiền giải phóng mặt bằng (*)	23.025.584.700	-
Phải thu khoản giải phóng mặt bằng theo thỏa thuận với Công ty Cổ phần Đầu tư Amane (**)	12.672.950.223	12.672.950.223
Phải thu về đặt cọc	11.427.567.422	13.680.933.154
Ký cược ký quỹ	5.488.665.294	4.994.688.374
Tạm ứng	2.685.340.074	1.336.223.715
Đặt cọc tiền thuê cơ sở hạ tầng với Công ty Cổ phần Đầu tư Amane	2.106.651.000	2.106.651.000
Phải thu khác	7.823.923.358	10.601.159.789
	65.230.682.071	45.392.606.255

(*) Khoản phải thu này bao gồm các khoản chi liên quan đến giai đoạn 2 của dự án mở rộng nhà máy của một công ty con trên diện tích 11,3 ha tại Khu Thị Tứ, Xã Liên Hòa, Tỉnh Phú Thọ. Dự án hiện đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục liên quan đến việc bàn giao đất theo quy định hiện hành. Khoản tiền giải phóng mặt bằng sau đó sẽ được hoàn trả hoặc đối trừ vào tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng trên đất tương ứng trong tương lai sau khi cơ quan có thẩm quyền hoàn tất các thủ tục cho thuê đất và các thủ tục pháp lý liên quan.

(**) Từ năm 2016 đến năm 2023, Công ty đã thực hiện đầu tư và giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích được quy hoạch tại Khu công nghiệp Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa theo quyết định của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban Nhân dân Tỉnh Phú Thọ), dự kiến tiền giải phóng mặt bằng sẽ được bù trừ với tiền thuê đất trong tương lai. Tuy nhiên, theo quyết định trong năm 2023 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc, một số phần diện tích chưa bàn giao tại Khu công nghiệp Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa cho Công ty đã được bàn giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư Amane, là chủ đầu tư khu công nghiệp. Theo đó việc thực hiện dự án của Công ty sẽ được thực hiện thông qua hình thức thuê lại đất của chủ đầu tư Khu công nghiệp. Về kinh phí Công ty đã ứng trước để thực hiện giải phóng mặt bằng tại Khu công nghiệp Thái Hòa - Liễn Sơn - Liên Hòa, Công ty Cổ phần Đầu tư Amane có trách nhiệm hoàn trả kinh phí giải phóng mặt bằng hoặc đối trừ vào tiền thuê cơ sở hạ tầng nếu Công ty có nhu cầu. Hiện tại Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Amane vẫn đang trong quá trình đàm phán và sẽ thống nhất phương án hoàn trả kinh phí giải phóng mặt bằng hoặc đối trừ vào tiền thuê cơ sở hạ tầng sau khi Công ty Cổ phần Đầu tư Amane đủ điều kiện cho thuê và hoàn thiện các thủ tục pháp lý của dự án.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

15. Nợ xấu và nợ khó đòi

30/6/2026				1/1/2026				
Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn								
GBI Tile & Stone INC	Từ trên 1 năm đến dưới 3 năm	19.326.962.813	(9.683.804.747)	9.643.158.066	Từ dưới 1 năm đến dưới 2 năm	19.326.962.813	(7.500.552.726)	11.826.410.087
Amygres Pte, Ltd	Trên 3 năm	24.107.706.247	(24.107.706.247)	-	Từ trên 2 năm đến trên 3 năm	24.107.706.247	(24.107.706.247)	-
Brown Trading Est	Trên 3 năm	2.937.076.970	(2.937.076.970)	-	Trên 3 năm	2.937.076.970	(2.937.076.970)	-
Công ty TNHH Cenza Minh Khang	Trên 3 năm	2.167.988.228	(2.167.988.228)	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hoàng Thịnh Phát	Trên 3 năm	726.000.000	(726.000.000)	-	Trên 3 năm	726.000.000	(726.000.000)	-
Arab Alsharq Est	Trên 3 năm	671.844.960	(671.844.960)	-	Trên 3 năm	671.844.960	(671.844.960)	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Trung Huy	Trên 3 năm	428.828.301	(428.828.301)	-	Trên 3 năm	428.828.301	(428.828.301)	-
Glass Tile & Stone, Inc	Trên 3 năm	311.840.209	(311.840.209)	-	Trên 3 năm	311.840.209	(311.840.209)	-
Clover International	Trên 3 năm	224.976.449	(224.976.449)	-	Trên 3 năm	224.976.449	(224.976.449)	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Xuất nhập khẩu Hoàn Vũ	Từ 6 tháng đến 3 năm	4.447.823.532	(2.241.222.953)	2.206.600.579	-	-	-	-
Các khách hàng khác	Trên 6 tháng đến dưới 2 năm	3.807.214.591	(2.552.449.755)	1.254.764.836	Trên 6 tháng	3.009.573.011	(2.042.985.711)	966.587.300
59.158.262.300				(46.053.738.819)	13.104.523.481			
51.744.808.960				(38.951.811.573)	12.792.997.387			
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn				(38.951.811.573)				

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

16. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	49.553.494.262	-	168.893.468.173	-
Nguyên vật liệu	508.142.845.123	(8.107.147.000)	373.225.129.610	(8.107.147.000)
Công cụ và dụng cụ	50.919.239	-	13.781.018	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	51.152.736.732	-	53.898.504.364	-
Sản phẩm	527.222.138.183	(13.697.974.850)	383.146.774.376	(12.255.072.118)
Hàng hóa	15.217.191.226	(1.483.455.732)	15.517.717.114	-
Hàng gửi đi bán	52.449.032.169	-	58.082.205.675	-
	1.203.788.356.934	(23.288.577.582)	1.052.777.580.330	(20.362.219.118)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 41.721 triệu VND (1/1/2026: 35.663 triệu VND) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 hàng tồn kho có giá gốc là 699.499 triệu VND (1/1/2026: 695.387 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay, bảo lãnh và tài trợ thương mại của Công ty.

17. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	542.749.695.476	2.240.573.036.088	156.393.215.163	5.047.288.444	17.922.085.036	2.962.685.320.207
Tăng trong kỳ	-	1.162.929.416	-	-	-	1.162.929.416
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	46.046.955.558	59.770.260.171	6.524.458.059	(8.502.152)	-	112.333.171.636
Thanh lý	-	-	(1.266.412.182)	-	-	(1.266.412.182)
Số dư cuối kỳ	588.796.651.034	2.301.506.225.675	161.651.261.040	5.038.786.292	17.922.085.036	3.074.915.009.077
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	206.937.461.412	1.173.853.286.024	62.954.236.579	3.181.722.127	3.888.613.340	1.450.815.319.482
Khấu hao trong kỳ	19.099.859.826	107.832.709.898	9.659.627.254	357.840.852	882.770.104	137.832.807.934
Thanh lý	-	-	(1.168.330.824)	-	-	(1.168.330.824)
Số dư cuối kỳ	226.037.321.238	1.281.685.995.922	71.445.533.009	3.539.562.979	4.771.383.444	1.587.479.796.592
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	335.812.234.064	1.066.719.750.064	93.438.978.584	1.865.566.317	14.033.471.696	1.511.870.000.725
Số dư cuối kỳ	362.759.329.796	1.019.820.229.753	90.205.728.031	1.499.223.313	13.150.701.592	1.487.435.212.485

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 638.248 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 622.530 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.328.228 triệu VND (1/1/2026: 1.397.118 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	119.342.951.125	1.014.700.000	120.357.651.125
Tăng trong kỳ	-	590.000.000	590.000.000
Số dư cuối kỳ	119.342.951.125	1.604.700.000	120.947.651.125
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	17.177.106.398	629.422.222	17.806.528.620
Khấu hao trong kỳ	2.016.816.768	76.278.449	2.093.095.217
Số dư cuối kỳ	19.193.923.166	705.700.671	19.899.623.837
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	102.165.844.727	385.277.778	102.551.122.505
Số dư cuối kỳ	100.149.027.959	898.999.329	101.048.027.288

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 345 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 345 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 61.957 triệu VND (1/1/2026: 62.666 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	399.293.861.373	322.817.288.352
Tăng trong kỳ	145.143.768.157	114.613.626.584
Lãi vay được vốn hóa trong kỳ	298.360.031	288.122.602
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(112.333.171.636)	(206.423.924.955)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ	(6.233.138.596)	(1.579.589.251)
Chuyển sang phải thu khác	(23.025.584.700)	-
Số dư cuối kỳ	403.144.094.629	229.715.523.332

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Hệ thống máy ép bigslab	99.044.156.495	98.841.095.778
Hệ thống dây chuyền mài gạch khổ lớn	34.843.103.159	20.004.117.256
Hệ thống máy in kỹ thuật số dây chuyền gạch khổ lớn	26.958.347.351	26.945.477.351
Dây chuyền in tráng men gạch khổ lớn	25.556.760.883	25.003.764.719
Cải tạo lò cho dây chuyền sản xuất gạch khổ lớn	23.501.483.105	20.313.055.935
Nhà văn phòng AMYGRES	21.449.401.424	5.348.851.902
Hệ thống tháp công nghệ gạch khổ lớn	16.056.018.305	14.830.287.493
Dự án sản xuất gạch ốp lát cao cấp và ngói lợp của Công ty Cổ phần Công nghiệp Hera	13.968.652.216	26.784.101.483
Cải tạo GM dây chuyền bigslab	15.825.478.111	11.245.788.451
Máy móc đang lắp đặt nhà máy Hoa Sơn	8.768.773.673	20.909.317.312
Dự án sản xuất tấm gạch ốp lát Composite của Công ty Cổ phần Gốm Á Mỹ Hoa Sơn	3.753.667.066	42.364.680.595
Các hạng mục khác	113.418.252.841	86.703.323.098
	403.144.094.629	399.293.861.373

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

20. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công cụ và dụng cụ	26.632.438.917	28.133.364.368
Chi phí sửa chữa	13.323.230.244	3.132.027.089
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.909.795.269	856.367.021
	43.865.464.430	32.121.758.478

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa tài sản cố định VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	3.092.798.694	21.516.523.421	1.962.301.373	133.792.870	26.705.416.358
Tăng trong kỳ	-	223.701.667	6.233.138.596	1.048.048.519	7.504.888.782
Phân bổ trong kỳ	(135.355.428)	(7.353.300.637)	(984.304.736)	(127.968.633)	(8.600.929.434)
Số dư cuối kỳ	2.957.443.266	14.386.924.451	7.211.135.233	1.053.872.756	25.609.375.706

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tiền gửi không kỳ hạn	20%	14.256.496	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	20%	12.256.592.401	15.133.731.701
Dự phòng phải thu khó đòi	20%	1.420.385.449	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	745.752.566	-
Tài sản cố định hữu hình	20%	3.365.930.703	1.835.578.610
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	20%	2.133.442.366	1.317.745.467
Chi phí phải trả ngắn hạn	20%	5.461.156.107	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		25.397.516.088	18.287.055.778
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Hàng tồn kho	20%	(10.576.319.482)	(11.609.442.223)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(10.576.319.482)	(11.609.442.223)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		14.821.196.606	6.677.613.555

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

22. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn có số dư lớn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh	19.612.758.616	-
Công ty Cổ phần PMT.P&E	8.803.080.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu nhựa	7.679.045.663	992.730.592
Công ty Cổ phần Đầu tư Amane	125.411.969	286.649.927
<i>Các bên thứ ba</i>		
IVICT (Singapore) PTE., Ltd	57.421.194.491	264.762.563.872
Xincheng International (Hong Kong) Co., Ltd	47.907.464.410	32.325.443.670
Các công ty khác	416.553.200.739	801.172.524.966
	558.102.155.888	1.099.539.913.027

23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tendenzza Pisos Y Recubrimientos Sa De Cv	11.789.484.792	3.803.533.186
Công ty Cổ phần Gạch ốp lát Hòa Bình Minh	2.941.614.497	5.610.546.025
Các khách hàng khác	26.918.545.901	39.715.323.879
	41.649.645.190	49.129.403.090

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

24. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	(5.259.272.621)	168.177.751.164	(167.120.648.599)	(4.202.170.056)
Thuế giá trị gia tăng hàng xuất khẩu	65.423.966	28.329.225.132	(28.329.225.132)	65.423.966
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.375.807.172	(2.492.539.480)	(116.732.308)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	207.280.465.315	82.336.454.503	(209.021.842.270)	80.595.077.548
Thuế thu nhập cá nhân	11.550.365.670	1.482.310.548	(14.175.866.496)	(1.143.190.278)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(4.572.577.221)	121.888.503	(121.888.503)	(4.572.577.221)
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	(4.580.125.302)	3.101.444.283	(1.802.407.815)	(3.281.088.834)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	763.285.427	217.294.944	(974.975.371)	5.605.000
	205.247.565.234	286.142.176.249	(424.039.393.666)	67.350.347.817
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	(15.186.772.329)			(17.461.771.756)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	220.434.337.563			84.812.119.573



Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

25. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền lương tháng 13	27.305.780.536	-
Chi phí bản quyền hèm	20.516.104.424	30.150.567.750
Lãi vay phải trả	2.411.065.791	2.147.079.086
Chi phí phải trả khác	10.526.745.689	7.041.767.133
	60.759.696.440	39.339.413.969

26. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	2.178.120.864	2.657.985.287
Kinh phí công đoàn	1.061.991.760	561.222.160
Quỹ nhân ái	338.266.760	676.480.160
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	5.577.900.491
Phải trả khác	6.990.296.532	3.130.128.574
	10.568.675.916	12.603.716.672

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

27. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Biến động trong kỳ		
	1/1/2026 VND	Tăng VND	Giảm VND
Vay ngắn hạn	2.176.093.170.446	2.729.997.585.753	(4.441.786.802)
Vay dài hạn đến hạn trả	150.470.856.000	49.706.342.323	(98.965.428.000)
	2.326.564.026.446	2.779.703.928.076	(4.441.786.802)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên	VND	4,8% - 7,9%	734.753.425.191	420.799.632.814
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	VND	4,5% - 8,7%	462.188.198.975	913.236.282.223
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	VND	4,1% - 7,7%	459.670.708.644	202.467.125.098
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	VND	6,2% - 7,2%	188.575.655.416	170.289.493.279
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	VND	7,0%	149.919.259.409	149.820.446.627
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	USD	4,3% - 4,8%	376.131.055.274	12.024.577.156
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	USD	3,95%	11.692.245.957	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Xuyên	USD	-	-	175.067.145.163
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Phúc	USD	-	-	132.388.468.086
			2.382.930.548.866	2.176.093.170.446

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Vay dài hạn	199.051.262.118	298.016.690.118
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(101.211.770.323)	(150.470.856.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	97.839.491.795	147.545.834.118

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	VND	8,40%	2028 – 2030	67.228.495.089	86.283.923.089
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	VND	6,6% - 8,3%	2028	64.457.746.143	135.647.746.143
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	VND	6,2% - 7,4%	2029	67.365.020.886	76.085.020.886
				199.051.262.118	298.016.690.118

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn này được đảm bảo bằng các khoản đầu tư tài chính, phải thu ngắn hạn khách hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ lần lượt là 478.395 triệu VND (1/1/2026: 410.531 triệu VND) (Thuyết minh 11), 834.453 triệu VND (1/1/2026: 1.076.481 triệu VND) (Thuyết minh 12), 699.499 triệu VND (1/1/2026: 695.387 triệu VND) (Thuyết minh 16), 1.328.228 triệu VND (1/1/2026: 1.397.118 triệu VND) (Thuyết minh 17) và 61.957 triệu VND (1/1/2026: 62.666 triệu VND) (Thuyết minh 18)

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

28. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2025	870.389.000.000	-	1.061.256.992.938	214.632.719.057	2.146.278.711.995
Lợi nhuận thuần trong kỳ - chưa soát xét	-	-	328.206.417.446	16.986.689.820	345.193.107.266
Trả cổ tức bằng tiền – chưa soát xét	-	-	(508.000.000.000)	(17.150.000.000)	(525.150.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2025 - chưa soát xét	870.389.000.000	-	881.463.410.384	214.469.408.877	1.966.321.819.261
Số dư tại ngày 1/1/2026	1.070.050.530.000	-	470.603.214.339	231.777.898.069	1.772.431.642.408
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	295.822.655.452	4.559.217.801	300.381.873.253
Chi phí phát hành chứng khoán	-	(1.540.890.600)	-	-	(1.540.890.600)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu (Thuyết minh 30)	374.517.580.000	-	(374.517.580.000)	-	-
Trả cổ tức bằng tiền tại công ty con	-	-	-	(19.600.000.000)	(19.600.000.000)
Biến động khác	-	-	(57.491.448)	57.491.448	-
Số dư tại ngày 30/6/2026	1.444.568.110.000	(1.540.890.600)	391.850.798.343	216.794.607.318	2.051.672.625.061



Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
 ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

29. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	144.456.811	1.444.568.110.000	107.005.053	1.070.050.530.000
Vốn cổ phần đã phát hành	144.456.811	1.444.568.110.000	107.005.053	1.070.050.530.000
Cổ phiếu phổ thông				
Số cổ phiếu đang lưu hành	144.456.811	1.444.568.110.000	107.005.053	1.070.050.530.000
Cổ phiếu phổ thông				

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vốn cổ phần đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
	Vốn góp		Vốn góp	
				Vốn góp
Ông Lương Văn Mỹ	40.635.365	28,13%	30.100.271	28,13%
Ông Đinh Quốc Tuấn	37.191.691	25,75%	27.549.401	25,75%
Ông Trần Tuấn Đại	35.814.220	24,79%	26.529.052	24,79%
Ông Trần Ngọc Anh	11.019.759	7,63%	8.162.785	7,63%
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	8.264.820	5,72%	6.122.089	5,72%
Các cổ đông khác	11.530.956	7,98%	8.541.455	7,98%
	144.456.811	100%	107.005.053	100%
				1.070.050.530.000

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Số dư đầu kỳ	1.070.050.530.000	870.389.000.000
Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (Thuyết minh 30)	374.517.580.000	-
Số dư cuối kỳ	1.444.568.110.000	870.389.000.000

30. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 3 năm 2026, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 35%, theo đó cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 35 cổ phiếu phát hành thêm. Sau khi thực hiện phương án trên, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 37.451.758 cổ phiếu để trả cổ tức tương đương 374.517.580.000 VND.

31. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Trong vòng một năm	121.888.503	121.888.503
Trong vòng hai đến năm năm	487.554.012	487.554.012
Sau năm năm	12.996.634.398	13.118.522.901
	13.606.076.913	13.727.965.416

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

Loại tiền tệ	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.165.601	60.427.110.120	381.002	9.967.944.591

32. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND Chưa soát xét
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa, sản phẩm	3.516.078.038.330	3.033.909.337.131
▪ Dịch vụ đã cung cấp	1.307.160.430	436.687.630
▪ Doanh thu khác	4.436.475.515	2.746.536.865
	3.521.821.674.275	3.037.092.561.626
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(164.288.600.624)	(146.795.909.828)
▪ Giảm giá hàng bán	(4.641.839.947)	(2.044.680.760)
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(362.103.993)
	(168.930.440.571)	(149.202.694.581)
Doanh thu thuần	3.352.891.233.704	2.887.889.867.045

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

33. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Bán hàng hóa, sản phẩm	2.726.010.785.510	2.272.533.505.259
Dịch vụ đã cung cấp	214.661.170	582.879.064
Trích lập dự phòng hàng tồn kho	3.242.392.656	-
	2.729.467.839.336	2.273.116.384.323

34. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	34.418.782.281	17.482.715.762
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	23.009.115.218	37.755.172.960
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.546.156.465	-
	62.974.053.964	55.237.888.722

35. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí đi vay	72.013.746.609	46.416.939.900
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.372.537.033	15.145.904.406
Chi phí dịch vụ bao thanh toán	2.336.146.387	4.326.470.587
Chi phí khác	62.846.131	102.540.617
	84.785.276.160	65.991.855.510

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

36. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	12.848.694.040	13.269.147.420
Chi phí khấu hao và phân bổ	177.539.313	216.839.244
Chi phí vận chuyển	98.624.473.843	78.134.937.672
Chi phí quảng cáo, marketing	29.838.073.083	481.027.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.558.461.662	6.089.304.308
Chi phí bán hàng khác	10.767.732.228	7.703.626.022
	154.814.974.169	105.894.882.581

37. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nhân viên	35.887.828.967	31.782.267.149
Chi phí vật liệu quản lý	707.398.646	248.078.332
Chi phí đồ dùng văn phòng	313.952.100	911.645.908
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.037.103.418	4.087.301.291
Thuế, phí và lệ phí	3.014.025.027	7.397.362.423
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	7.101.927.246	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.363.322.937	7.987.236.411
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.021.555.808	3.860.224.249
	78.447.114.149	56.274.115.763

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

38. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Xử lý hàng tồn kho thừa từ kiểm kê	6.147.689.348	318.192.886
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	317.629.921	125.487.478
Tiền phạt thu được	37.469.162	30.542.003
Các khoản thu nhập khác	240.524.470	15.152.522
	6.743.312.901	489.374.889

39. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Các khoản truy thu, phạt thuế, chậm nộp thuế	221.824.500	4.242.477.809
Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	591.942.962
Các chi phí khác	296.827.550	336.068.788
	518.652.050	5.170.489.559

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.113.662.446.116	1.727.808.263.462
Chi phí giá vốn hàng thương mại	152.529.007.168	32.576.105.287
Chi phí nhân viên	244.973.821.955	203.988.003.294
Chi phí khấu hao và phân bổ	140.061.258.575	116.398.437.150
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.807.365.669	342.893.703.528
Chi phí khác	97.392.450.840	63.747.751.842
	3.098.426.350.323	2.487.412.264.563

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

41. Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	84.304.443.140	102.548.690.614
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.967.988.637)	-
	82.336.454.503	102.548.690.614
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(8.143.583.051)	(10.572.394.960)
	74.192.871.452	91.976.295.654

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận kế toán trước thuế	374.574.744.705	437.169.402.920
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	74.914.948.941	87.433.880.584
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.190.999.433	1.653.124.618
Biến động chênh lệch tạm thời	402.437.362	2.889.290.452
Lỗ tính thuế được sử dụng	(347.525.647)	-
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.967.988.637)	-
	74.192.871.452	91.976.295.654

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

42. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 144.456.811 cổ phiếu (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: 143.353.062 cổ phiếu), chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Công ty	295.822.655.452	328.206.417.446
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	144.456.811	143.353.062
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	2.048	2.289

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang	107.005.053	87.038.900
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong tháng 9 năm 2025	-	19.148.553
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong tháng 3 năm 2026	37.451.758	37.165.609
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	144.456.811	143.353.062

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

43. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Cổ đông		
Ông Lương Văn Mỹ - Cổ đông		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	105.350.940.000	-
Nhận cổ tức	-	136.799.502.654
Ông Đinh Quốc Tuấn - Cổ đông		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	96.422.900.000	-
Nhận cổ tức	-	125.206.324.269
Ông Trần Tuấn Đại - Cổ đông		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	92.851.680.000	-
Nhận cổ tức	-	120.569.054.027
Ông Trần Ngọc Anh - Cổ đông		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	28.569.740.000	-
Nhận cổ tức	-	37.098.173.029
Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Cổ đông		
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	21.427.310.000	-
Nhận cổ tức	-	27.823.626.999
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần PMT. Quang Minh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	145.643.780.240	-
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	14.529.387.925	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu Nhựa		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.110.227.466	12.916.727.187
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	49.699.738.409	412.181.818
Công ty Cổ phần Đầu tư Amane		
Mua hàng hóa và dịch vụ	765.386.475	643.706.506
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	152.969.513	60.346.626
Công ty Cổ phần PMT.P&E		
Mua hàng hóa và dịch vụ	26.905.388.890	-

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		Chưa soát xét
Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc		
Lương Văn Mỹ	809.024.322	700.698.000
Đinh Quốc Tuấn	791.517.273	711.648.000
Trần Tuấn Đại	791.517.273	711.648.000
Trần Ngọc Anh	629.679.258	566.273.372
Nguyễn Ngọc Sơn	592.934.981	506.306.808
Ban Kiểm soát		
Dương Phú Đạt	110.291.326	-
Nguyễn Thị Thu Hương	11.247.953	-
Nguyễn Thị Thanh Hòa	59.386.611	-

44. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Công văn số 32/2026/CV-AMY ngày 2 tháng 7 năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ, Công ty đã công bố chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO). Theo đó, 16.100.000 cổ phiếu được chào bán ra công chúng theo phương thức chào bán theo giá cố định là 48.900 VND/cổ phiếu. Thời gian nhận đăng ký mua và tham gia đấu giá từ ngày 9 tháng 7 năm 2026 đến ngày 12 tháng 8 năm 2026, với mức đặt cọc bằng 10% giá trị cổ phiếu đăng ký mua. Tuy nhiên, theo Công văn số 48/2026/CV ngày 10 tháng 8 năm 2026, Công ty đã điều chỉnh gia hạn thời gian nhận đăng ký mua cổ phiếu đến ngày 9 tháng 9 năm 2026.

Theo phương án công bố, Công ty dự kiến huy động 787.290.000.000 VND từ đợt chào bán này với mục đích nâng cao năng lực tài chính của Công ty, trả nợ vay và bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty sẽ thực hiện niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) dự kiến vào khoảng tháng 10 năm 2026.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

45. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025; thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được soát xét.

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư 99. Một số số liệu thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 cũng được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

	Mã số	1/1/2026	1/1/2026
		Đã phân loại lại	Theo báo cáo
		VND	trước đây
			VND
Các khoản tương đương tiền	112	245.207.633.883	243.597.252.691
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	1.018.820.467.900	1.001.682.392.932
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	5.279.552.178
Phải thu ngắn hạn khác	135	45.392.606.255	58.887.768.867
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	10.026.258.630	10.000.000.000

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập



Trần Quang Sự
 Người lập

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Nga
 Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



Đinh Quốc Tuấn
 Tổng Giám đốc